

Số: 11 /GPMT-PTNMT

Châu Thành, ngày 26 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Châu Thành ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 4015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Châu Thành về việc ủy quyền cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND huyện Châu Thành;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần nông sản Phúc Tiến ngày 19 tháng 12 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Nông sản Phúc Tiến, địa chỉ Văn phòng: Số 29/9A, khóm Trung An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất và Chế biến rau củ quả Phúc Tiến với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất và Chế biến rau củ quả.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C2 Khu công nghiệp Bình Hòa, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
- 1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:



- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1602160394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2022.

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 1051/QĐ-BQLKKT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất và Chế biến rau củ quả.

1.4. Mã số thuế: 1602160394.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và chế biến rau củ quả.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Tổng diện tích dự án 9.270,6 m² tại Lô C2 Khu công nghiệp Bình Hòa, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Quy mô, công suất của dự án: 29,4 tấn sản phẩm/ngày tương đương 9.000 tấn sản phẩm/năm.

- Tổng diện tích dự án 9.270,6 m², gồm các hạng mục công trình như sau:

+ Các hạng mục công trình chính: Nhà xưởng sản xuất 3.678,4 m²;

+ Đất giao thông, sân bãi, cây xanh: 3.678,1 m².

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: 1.788,7 m².

+ Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại 1,4 m², Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường 5 m², Bể xử lý chất thải 119 m².

- Tổng mức đầu tư: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng) (Dự án nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Nông sản Phúc Tiến có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành), cơ quan liên quan (Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND xã Bình Hòa) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 26 tháng 12 năm 2022 đến ngày 26 tháng 12 năm 2032).

Điều 4. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Công chức Địa chính - xây dựng – nông nghiệp và môi trường thuộc UBND xã Bình Hòa tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Nông sản Phúc Tiến;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND xã Bình Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử huyện;
- Ban Lãnh đạo Phòng;
- Lưu: VT, HS.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Ngọc Được



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11/GP-PTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Hòa, không xả ra môi trường Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang) Chủ dự án phải ký Hợp đồng dịch vụ nước thải với Trung tâm Đầu tư – Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang trước khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải đen (nước từ bồn cầu và bồn tiêu) và nước thải xám (nước thải từ bồn rửa tay, thoát sàn và các thiết bị vệ sinh khác) của các khu nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, nước sau bể tự hoại tự chảy theo đường ống ống PVC Ø114mm và Ø200mm dẫn về bể thu gom nước thải đầu vào để bơm lên hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- Nước thải sản xuất: Bao gồm nước thải khu vực nhà xưởng (30m³/ngày.đêm), nước thải trong quá trình xử lý khí thải lò hơi (3m³/ngày.đêm) được thu gom theo các hố ga và đường ống PVC Ø114mm, D168, D200, dẫn về bể thu gom nước thải đầu vào để bơm lên hệ thống xử lý nước thải của dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt + sản xuất → Bể gom → Bể điều hòa → Bể bùn kỵ khí → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Hòa.

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm.

- Vị trí đầu nối nước thải, theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°: X = 1155806; Y = 564964 (hố ga trên đường số 7 Khu công nghiệp Bình Hòa), điểm tiếp nhận nước thải đã xử lý sơ bộ của dự án vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Bình Hòa.



- Hóa chất sử dụng: Clorine 01 kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nước thải):

- Đảm bảo ổn định nguồn điện để máy móc, thiết bị hoạt động liên tục và thường xuyên; Kiểm tra máy bơm thường xuyên, đảm bảo đúng tải lượng xả vào nguồn tiếp nhận; Đảm bảo thiết kế đường ống xả thải đúng tải lượng; Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành và thực hiện tốt công tác quan trắc hệ thống xử lý nước thải.

- Khi xảy ra sự cố, Chủ dự án sẽ phối hợp với nhân viên kỹ thuật của Khu công nghiệp thực hiện khắc phục sự cố: Tạm trữ lại nguồn nước thải chưa được xử lý trong các bể của hệ thống; Tiến hành sửa chữa, khắc phục sự cố để hệ thống nhanh chóng hoạt động trở lại; Thông báo ngay với cơ quan chức năng khi có sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/03/2023 đến 31/08/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế là 100m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 điểm tại vị trí đầu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Hòa.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Hòa (quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B)) theo thỏa thuận giữa Trung tâm Đầu tư – Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang và Công ty Cổ phần nông sản Phúc Tiến, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5 đến 9
2	BOD ₅ (20oC)	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
5	Tổng nitơ	mg/l	40
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	6

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
7	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5.000
8	Lưu lượng	m ³ /ngày	-

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Lấy mẫu nước thải đầu ra đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải trong 3 ngày liên tục: 03 mẫu đầu ra.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nói, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bình Hòa, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của nhà máy.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt.

3.5. Không được phép xả nước thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc tái sử dụng nước thải trong quá trình sản xuất (nếu có)/.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 41/GP-PTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh do hoạt động của lò hơi đốt trấu công suất 01 tấn/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải số 01: dòng khí thải từ hoạt động của lò hơi đốt trấu công suất 01 tấn/giờ được thải ra ngoài môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Địa chỉ: Lô C2 Khu công nghiệp Bình Hòa, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả thải: Tọa độ X = 1155847; Y = 565064 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 12.500 m³/ngày đêm, tương đương 2.500 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Chu kỳ xả khí thải: Hằng ngày.

- Thời gian xả khí thải: 05 giờ/ngày (05 giờ/24 giờ) qua quạt thổi, quạt hút khí và thoát ra ngoài môi trường thông qua đường ống khí thải có độ cao H = 20 m; Đường kính ống khí thải Ø150 mm.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, với hệ số $K_p = 1,0$; $K_v = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	03 tháng/lần	Không
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
4	CO	mg/Nm ³	1.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

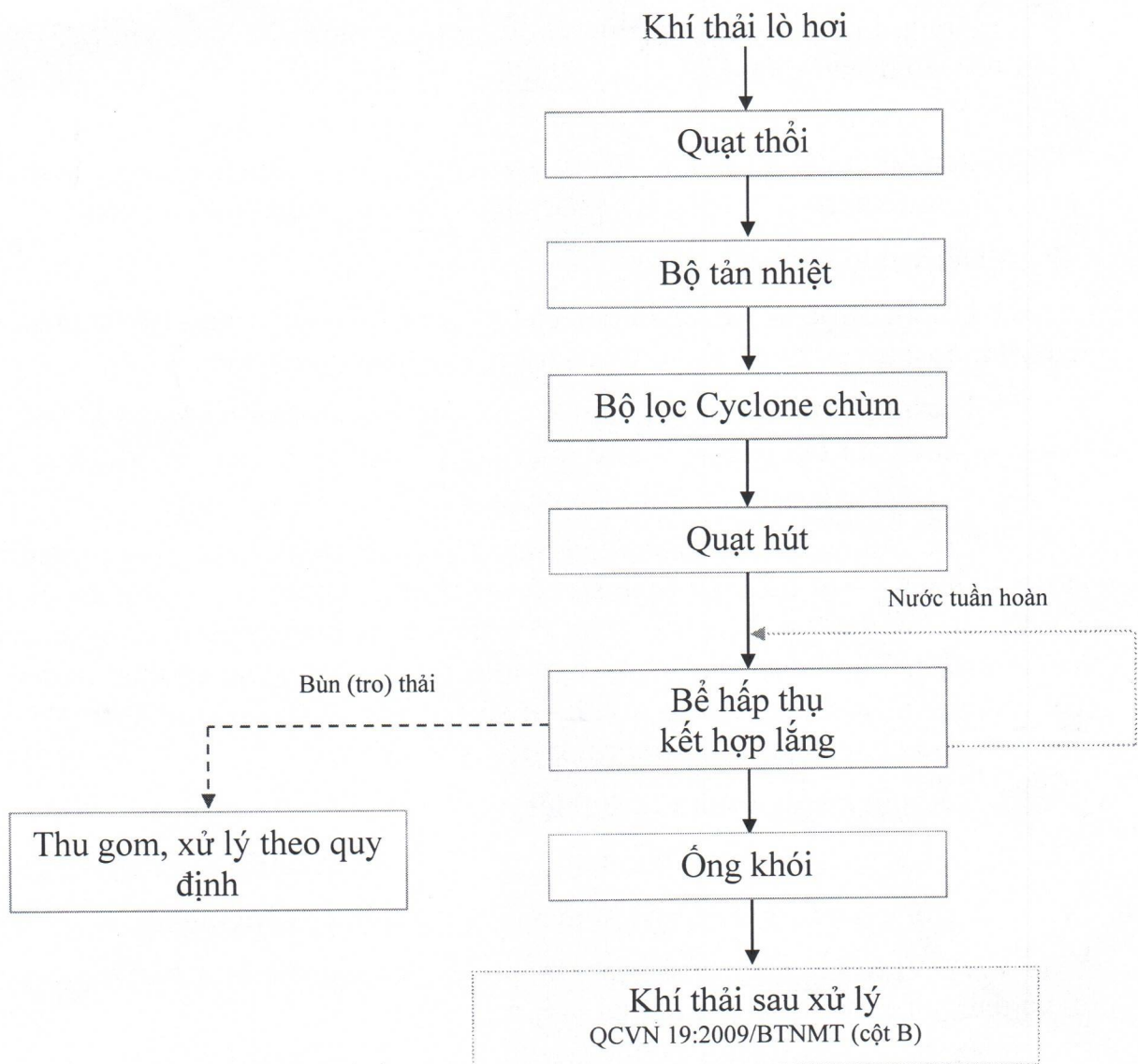
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ lò hơi đốt trấu công suất 01tấn/giờ được thu gom về hệ thống xử lý khí thải được đồng bộ với lò hơi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



- Công suất thiết kế: 2.500 m³/giờ (tính theo quạt hút).
- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Không.

1.6. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (*nếu có*): Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.7. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với hệ thống xử lý khí thải:
 - + Bố trí nhân viên có chuyên môn chịu trách nhiệm quản lý hệ thống xử lý bụi, khí thải và thường xuyên thông báo tình trạng hoạt động của hệ thống.
 - + Thường xuyên kiểm tra các đường ống dẫn, quạt của hệ thống để kịp thời khắc phục khi có sự cố.
 - + Trang bị dự phòng các chi tiết dễ hư hỏng như: Đinh, ốc vít, các loại đai thép bọc ống, van điều khiển, quạt hút,... và thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng.
 - + Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, nhà máy sẽ ngừng ngay hoạt động sản xuất, sau khi hoàn thành việc khắc phục sự cố mới tiếp tục sản xuất.
- Đối với lò hơi:
 - + Lò hơi được lắp đặt đảm bảo các yêu cầu về chất lượng; Bố trí nhân viên có trình độ chuyên môn theo dõi quá trình vận hành của lò hơi.
 - + Thường xuyên kiểm tra định kỳ, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lò hơi; Vận hành lò hơi theo đúng nguyên tắc hoạt động; Mọi sự cố xảy ra và cách xử lý phải được ghi chép rõ ràng, đầy đủ vào sổ lý lịch vận hành lò hơi.
 - + Khi xảy ra sự cố lò hơi, cần thực hiện các biện pháp: Tạm ngừng hoạt động lò hơi và báo cáo tình hình sự cố với Ban Giám đốc nhà máy. Đồng thời, tắt các đường dây tải điện liên quan đến thiết bị, sơ tán công nhân viên ra khu vực an toàn; Tìm hiểu nguyên nhân và tổ chức khắc phục sự cố theo hướng dẫn của nhà sản xuất; Lập báo cáo tình hình sự cố cũng như công tác khắc phục gửi cho cơ quan chức năng và Ban quản lý KCN.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 01/03/2023 đến 31/08/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (*theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*): 01 điểm đầu ra hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*):

- Thông số: Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x (tính theo NO₂), Lưu lượng.
- Quy chuẩn so sánh, đánh giá, giám sát chất lượng khí thải sau xử lý: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp

đôi với bụi và các chất vô cơ, cột B.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Mẫu khí thải đầu ra đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải 03 ngày liên tục: 03 mẫu đầu ra.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý khí thải gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 41 /GP-PTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Nguồn ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 1: Tọa độ X = 1155868; Y = 565082 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ-21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ-6 giờ	-	Khu vực thông thường
	70	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trồng cây dọc theo tuyến đường nội bộ trong khuôn viên nhà máy với khoảng cách 10 – 20 m/cây nhằm giảm bớt độ ồn phát sinh và tạo cảnh quan cho nhà máy.

- Quy định nội quy trong việc sử dụng còi, nổ máy xe trong khuôn viên nhà máy đối với các xe vận tải, bốc dỡ hàng hóa.

- Lắp đặt đệm chống rung và cách âm đối với các thiết bị có độ ồn quá cao, trang bị dụng cụ bịt tai cho công nhân phải vận hành trực tiếp thiết bị này.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.



Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 44 /GP-PTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022
của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	01
2	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	10
3	Bao tay, giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	18 02 01	05
4	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	02

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Phế phẩm từ nguyên liệu khoảng 0,6 tấn/ngày.
- Tro thải khoảng 150 kg/ngày.
- Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải khoảng 20kg/ngày.
- Phế liệu (bao bì nhựa, carton,...) khoảng 02 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 80 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trong kho chất thải nguy hại bố trí 05 thùng chứa loại 30 lít để chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 1,4 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Thiết kế dạng nền bê tông, vách tole, mái lợp tole và có dán biểu cảnh báo chất thải nguy hại.

2.2. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

2.2.1. Tro trấu thải:

- Thiết bị lưu chứa: Phần tro trấu phát sinh được làm nguội đưa vào bao buộc kín miệng, chuyển đến khu vực chứa tro.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 20 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Thiết kế kiểu dạng khung tiền chế với mái và vách tole, nền bê tông.

2.2.2. Phế liệu (bao bì nhựa, carton,...): Được lưu chứa tại khu vực kho chứa phế liệu có diện tích 05 m². Thiết kế kiểu dạng nền xi măng, khung thép, mái lợp tole.

2.2.3. Phế phẩm từ nguyên liệu: Được thu gom vào sọt nhựa (150 cái, với kích thước mỗi cái 610mm x 420 mm x 310 mm) và được tập kết trong khu vực nhà xưởng sản xuất (bố trí diện tích 20m²).

2.2.4. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Được chứa tại bể chứa bùn và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.3. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:*

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 10 thùng chứa loại 120 lít cho toàn bộ dự án.

2.3.2. Điểm tập kết rác sinh hoạt:

Dự án bố trí 06 thùng chứa rác sinh hoạt đủ khả năng lưu chứa lượng rác thải phát sinh được đặt xung quanh nhà xưởng, nơi làm việc của công nhân để gom rác hằng ngày (03 thùng tại 03 cổng ra vào; 02 thùng tại khu vực căn tin; 01 thùng tại khu vực văn phòng). Bên cạnh đó, chủ dự án bố trí 04 thùng rác loại 120 lít đặt tại phía trước cổng nhằm thuận tiện công tác thu gom chất thải rắn của Đơn vị chức năng gom chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. *Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:*

Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 41/GP-PTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): -.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Nước thải được quản lý để giảm sử dụng, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì theo quy định của pháp luật.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án đầu tư để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chủ dự án đầu tư phải tuân thủ yêu cầu về bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện nghiêm túc các nội dung khác theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư Nhà máy sản xuất và chế biến rau củ quả Phúc Tiến (đính kèm theo).

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.

